

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2022**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Hôm nay ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Văn.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Trần Thế Tuyền | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Tiến Thủy | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà: Phạm Thị Lư | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Trần Văn Viết | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông: Đỗ Văn Linh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Quyết toán ngân sách xã năm 2021.

(Kèm theo Biểu số 116/CKTC-NSNN; Biểu số 117/CKTC-NSNN; Biểu số 118/CKTC-NSNN).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 18/7/2023 đến hết ngày 17/8/2023.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

Phạm Thị Lư



Trần Thế Tuyền

Các thành viên

Trần Văn Viết
Nguyễn Tiến Thủy
Đỗ Văn Linh

Số: *16*/QĐ-UBND

Cẩm Văn, ngày 18 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM VĂN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 02 /NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Văn về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND thị trấn, công chức Tài chính- Kế toán và các bộ phận có liên quan căn cứ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận một cửa;
- Lưu: KT, VP.

CHỦ TỊCH

Trần Thế Tuyên

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		7.093.688		19.534.495		275,38
I	Các khoản thu 100%		180.000		331.918		184,40
1	Phí, lệ phí		20.000		34.428		172,14
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		115.000		243.740		211,95
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				8.150		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		45.000		45.600		101,33
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		2.314.000		2.683.770		115,98
1	Các khoản thu phân chia		134.000		149.861		111,84
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		13.000		31.704		243,88
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		21.000		26.650		126,90
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		100.000		91.507		91,51
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		2.180.000		2.533.909		116,23
2.1	Thu tiền sử dụng đất		2.000.000		2.313.870		115,69
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		120.000		131.495		109,58
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		60.000		88.544		147,57
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				348.157		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Thu chuyển nguồn				348.157		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.599.688		16.170.651		351,56
1	Thu bổ sung cân đối		3.056.569		3.056.569		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.543.119		13.114.082		849,84

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	6.719.935	2.000.000	4.719.935	19.534.495	11.686.739	7.847.756	290,69	584,34	166,27
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	1.000.000	1.000.000		2.058.496	2.058.496		205,85	205,85	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	30.000		30.000	25.741		25.741	85,80		85,80
5	Chi phát thanh, truyền thanh	39.132		39.132	18.605		18.605	47,55		47,55
6	Chi thể dục, thể thao	30.000		30.000	17.877		17.877	59,59		59,59
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	500.000	500.000		4.248.504	4.248.504		849,70	849,70	
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.781.921	500.000	4.281.921	10.303.674	5.379.739	4.923.935	215,47	1.075,95	114,99
10	Chi cho công tác xã hội	338.882		338.882	1.787.535		1.787.535	527,48		527,48
11	Chi khác				431.348		431.348			
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				642.716		642.716			

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	19.534.495	Tổng số chi	19.103.147
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	331.918	I. Chi đầu tư phát triển	11.686.739
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.683.770	II. Chi thường xuyên	6.773.692
III. Thu bổ sung	16.170.651	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	642.716
- Bổ sung cân đối	3.056.569	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	13.114.082		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	348.157		
Kết dư ngân sách	431.348		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.